TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN IA GRAI** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2017/DS-ST
Ngày: 11/7/2017
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN IA GRAI, TỈNH GIA LAI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Đính
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Mý
2. Ông Nguyễn Như Quang

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Thái Nam – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai;

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai tham gia phiên toà***: Ông Phạm Văn Hùng – Kiểm sát viên;

Trong ngày 11 tháng 7 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2017/TLST-DS ngày 15 tháng 3 năm 2017 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2017/QĐXXST-DS, ngày 29 tháng 5 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị N và ông Nguyễn Thành T; Địa chỉ nơi cư trú: Tổ A, thị trấn K, huyện G, tỉnh Gia Lai; Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị D và ông Lê Văn C; Địa chỉ nơi cư trú: Tổ B, thị trấn I, huyện G, tỉnh Gia Lai; Bà D có mặt, ông C vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong Đơn khởi kiện ngày 14/3/2017 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Hoàng Thị N và Nguyễn Thành T trình bày:

Trước đây, vợ chồng bà Nguyễn Thị D và ông Lê Văn C có mua phân của vợ chồng bà Hoàng Thị N và ông Nguyễn Thành T với số tiền là 60.580.000 đồng, nhưng vẫn chưa trả tiền. Đến ngày 25/01/2015 giữa vợ chồng bà N, ông T với vợ chồng bà D, ông C có thống nhất thỏa thuận chuyển toàn bộ khoản tiền nợ mua phân trước đó sang tiền nợ vay và hai bên có lập "Giấy mượn tiền" thể hiện việc vợ chồng bà D và ông C có vay của vợ chồng bà N và ông T số tiền là 60.580.000 đồng, lãi suất là 1%/tháng, thời hạn trả nợ là ngày 20/10/2016, nếu quá thời hạn nêu trên mà bên vay vẫn chưa trả thì phải chịu lãi phạt là 10%/tháng. Đến nay, vợ chồng bà D và ông C vẫn chưa trả tiền như đã cam kết, nên bà N và ông T yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng bà D và ông C phải trả số tiền nợ gốc là 60.580.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 26/01/2015 đến nay theo mức lãi suất 9%/năm là 13.403.325 đồng. Tổng số là 73.983.325 đồng.

2. Trong biên bản lấy lời khai ngày 11/5/2017 và lời khai trong quá trình giải

quyết vụ án, bị đơn Nguyễn Thị D trình bày:

Vợ chồng bà Nguyễn Thị D và ông Lê Văn C có mua phân bón của vợ chồng bà Hoàng Thị N và ông Nguyễn Thành T với tổng số tiền là 60.580.000 đồng, đến ngày 25/01/2015 vợ chồng bà N và ông T với vợ chồng bà D và ông C tự nguyện thỏa thuận chuyển toàn bộ số tiền nợ nêu trên sang tiền vay, vợ chồng bà D và ông C tự nguyện viết và ký vào "Giấy mượn tiền" với tổng số tiền vay là 60.580.000 đồng, lãi suất là 1%/tháng, thời hạn trả nợ là ngày 20/10/2016, nếu quá thời hạn mà chưa thanh toán thì phải chịu lãi phạt 10%/tháng như bà N và ông C đã trình bày là đúng. Do vậy, bà D chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của vợ chồng bà N và ông T về việc họ yêu cầu trả số tiền nợ gốc là 60.580.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 26/01/2015 đến nay theo mức lãi suất 9%/năm là 13.403.325 đồng. Tổng số là 73.983.325 đồng. Tuy nhiên, vì hoàn cảnh gia đình khó khăn, cà phê mất mùa, bà D lại hay đau ốm nên vợ chồng bà D và ông C vẫn chưa thể trả nợ ngay cho vợ chồng bà N và ông T. Bà D đề nghị được trả dần số tiền nợ và tiền lãi nêu trên thành 04 đợt trong 04 năm.

3. Tòa án đã thực hiện việc tống đạt các văn bản tố tụng để triệu tập bị đơn Lê Văn C đến làm việc liên quan đến vụ án nhưng ông C cố tình trốn tránh, không có mặt theo Giấy triệu tập của Tòa án. Do vậy, hồ sơ không có lời khai của ông Lê Văn C.

4. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã giao nộp các tài liệu, chứng cứ: Đơn khởi kiện đề ngày 14/3/2017; Chứng minh nhân dân của bà Hoàng Thị N và ông Nguyễn Thành T (bản sao); Sổ hộ khẩu bà Hoàng Thị N và ông Nguyễn Thành T (bản sao); Giấy mượn tiền đề ngày 25/01/2017 (bản gốc); Bản tự khai ngày 14/3/2017 của bà Hoàng Thị N và ông Nguyễn Thành T; Bản tự khai ngày 11/5/2017 của ông Nguyễn Thành T;

5. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã giao nộp các tài liệu, chứng cứ: Đơn xin hoãn lại ngày 11/5/2017 của bà Nguyễn Thị D;

6. Tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập: Biên bản lấy lời khai ngày 11/5/2017 của bà Nguyễn Thị D (bản gốc);

7. Phát biểu ý kiến, đại diện Viện kiểm sát khẳng định trong quá trình giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng cần thiết theo quy định của pháp luật; Tại phiên tòa Hội đồng xét xử cũng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng kể từ khi bắt đầu phiên tòa cho đến trước khi nghị án; Đối với bị đơn Lê Văn C đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên toà nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn phù hợp với quy định của pháp luật, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại các Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết. Trong quá trình giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng cần thiết theo quy định của pháp luật; Đối với bị

đơn Lê Văn C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn cố tình trốn tránh, không có mặt theo giấy triệu tập, không cung cấp chứng cứ nên phải chịu trách nhiệm về việc không chứng minh được và Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt.

[2] Về số tiền phải thanh toán: Nguyên đơn Hoàng Thị N và Nguyễn Thành T cung cấp chứng cứ là "Giấy mượn tiền" đề ngày 25/01/2015 thể hiện việc vợ chồng bà D và ông C có vay của vợ chồng bà N và ông T số tiền là 60.580.000 đồng, lãi suất là 1%/tháng, thời hạn trả nợ là ngày 20/10/2016, nếu quá thời hạn nêu trên mà bên vay vẫn chưa trả thì phải chịu lãi phạt là 10%/tháng. Bị đơn Nguyễn Thị D cũng thừa nhận nội dung này, ông C không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ để chứng minh việc vợ chồng bà D và ông C có nợ tiền của vợ chồng bà N và ông T như nội dung "Giấy vay tiền". Bà D chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N và ông T, cam kết trả số tiền nợ gốc là 60.580.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 26/01/2015 đến nay (Ngày 11/7/2017) theo mức lãi suất 9%/năm là 13.403.325 đồng, tổng số là 73.983.325 đồng, ông C không có ý kiến gì và sự thỏa thuận trên không trái quy định của pháp luật, không trái đạo đức của xã hội nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về thời hạn thanh toán: Bị đơn Nguyễn Thị D trình bày hoàn cảnh gia đình khó khăn, cà phê mất mùa, bà D lại hay đau ốm nên vợ chồng bà D và ông C vẫn chưa thể trả nợ ngay cho vợ chồng bà N và ông T. Bà D đề nghị được trả dần số tiền nợ và tiền lãi nêu trên thành 04 đợt trong 04 năm nhưng không được phía nguyên đơn chấp nhận. Hội đồng xét xử thấy rằng số tiền nợ đã đến hạn thanh toán, không có căn cứ để chấp nhận đề nghị thanh toán tiền thành nhiều đợt của bà D mà cần buộc bà D và ông C phải có nghĩa vụ trả nợ cho vợ chồng bà N và ông T theo đúng quy định của pháp luật.

[4] Về án phí: Toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bị đơn là người có nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng khoản 2 Điều 305, Điều 474, Điều 476 và Điều 478 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí lệ, phí Tòa án,

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị N và ông Nguyễn Thành T.

Buộc bà Nguyễn Thị D và ông Lê Văn C phải trả cho bà Hoàng Thị N và ông Nguyễn Thành T số tiền 73.983.325 đồng (Trong đó tiền nợ gốc là 60.580.000 đồng và tiền nợ lãi đến ngày xét xử sơ thẩm 12/7/2017 là 13.403.325 đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi hành án xong, hàng tháng người phải thi hành án phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc bà Nguyễn Thị D và ông Lê Văn C phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 3.699.166 đồng; Bà Hoàng Thị N và ông Nguyễn Thành T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho bà Hoàng Thị N và ông Nguyễn Thành T tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.900.700 đồng (Một triệu chín trăm nghìn bảy trăm đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000268 ngày 15 tháng 3 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Gia Lai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo Bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Ia Grai;
- Lưu HSVA,THADS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Lê Văn Đính